TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **102**/2024/QĐST-DS	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 26 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 04/4/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V;** Trụ sở: Số 89, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thế K - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 58/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch HĐQT và số 1651/2023/UQ-LCC-KHCN ngày 03/11/2023 của Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý).

- *Bị đơ*n: **+ Ông Cao Minh Đ; sinh năm 1988;**

+ Bà Lê Thị Trúc Q; sinh năm 1982;

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 103-E7 phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền (tính đến ngày 18/7/2024) phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2110044420829 ngày 18/10/2021, Khế ước nhận nợ ngày 18/10/2021; Hai khế ước nhận nợ (không số) ngày 26/10/2021; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 379-P-8544698 cấp ngày 28/10/2021, bao gồm:

- Nợ gốc: 1.381.442.020 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 31.312.597 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 321.394.470 đồng

- Nợ lãi chậm trả lãi: 29.285.872 đồng

Tổng cộng: 1.763.434.958 đồng (Một tỷ, bẩy trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng).

2.2. Ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q cam kết trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ được nêu tại mục **2.1** như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 31/8/2024, trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào nợ gốc.

- Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 30/9/2024, trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào nợ gốc.

- Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 31/10/2024, trả toàn bộ gốc và lãi còn lại là:

- Nợ gốc: 1.281.442.020 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 31.312.597 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 321.394.470 đồng

- Nợ lãi chậm trả lãi: 29.285.872 đồng

Tổng cộng: 1.663.434.958 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng)

Kể từ ngày 19/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, "Điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân" nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay

được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2.3. Trong trường hợp Ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào được nêu tại mục **2.2** (như không trả, trả không đúng thời gian hoặc trả không đủ số tiền), thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được nêu dưới đây để thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể là:

Căn hộ chung cư số 208, diện tích 47,8m^2, địa chỉ: Ô đất B3-CT05, Tòa S1.12 (L27), Dự án Khu đô thị G, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 547190, số vào sổ cấp GCN: CS08373 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 28/01/2022 mang tên ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5682/2022; quyển số: 04-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/12/2022 tại Văn phòng Công chứng N, thành phố Hà Nội giữa bên thế chấp là ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 11/01/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ thì là ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q còn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V; đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bên đương sự thỏa thuận ông Cao Minh Đ và bà Lê Thị Trúc Q chịu án phí dân sự sơ thẩm (do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa) là: 30.951.524 đồng (ba mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi tư đồng).

- Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 28.527.000 đồng (hai mươi tám triệu năm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai số 0003504 ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy